

2. Xã viên nào làm trái Điều lệ Hợp tác xã Giao thông vận tải và các Nghị quyết của Đại hội xã viên, tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị xử lý từ cảnh cáo đến khai trừ ra khỏi Hợp tác xã.

3. Xã viên làm thiệt hại đến tài sản của Hợp tác xã Giao thông vận tải phải bồi thường. Đối với cán bộ, nhân viên phạm sai lầm, ngoài các hình thức xử lý nói trên, tùy theo lỗi nặng, nhẹ có thể bị cách chức hoặc đưa ra truy tố trước pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30.- Điều lệ cụ thể của từng Hợp tác xã Giao thông vận tải:

Căn cứ Luật Hợp tác xã, Điều lệ mẫu này, Hợp tác xã Giao thông vận tải phải xây dựng Điều lệ cụ thể cho Hợp tác xã mình. Điều lệ phải được Đại hội xã viên thông qua và chỉ có Đại hội xã viên hoặc Đại hội đại biểu mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hợp tác xã. Điều lệ Hợp tác xã Giao thông vận tải phải được cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chấp thuận.

Điều lệ Hợp tác xã Giao thông vận tải có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hợp tác xã Giao thông vận tải được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 46-CP ngày 29-4-1997 ban hành Điều lệ mẫu Hợp tác xã Thủy sản.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 3 năm 1996;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Nghị định này bản Điều lệ mẫu Hợp tác xã Thủy sản.

Điều 2.- Bộ trưởng Bộ Thủy sản chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Điều lệ mẫu này.

Điều 3.- Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình tổ chức thực hiện. Nghị định này.

Điều 4.- Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký, những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

ĐIỀU LỆ mẫu Hợp tác xã Thủy sản

(ban hành kèm theo Nghị định số 46-CP
ngày 29-4-1997 của Chính phủ).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Định nghĩa Hợp tác xã Thủy sản:

Hợp tác xã Thủy sản là tổ chức kinh tế tự chủ của những người làm nghề khai thác, nuôi trồng thủy hải sản, hoạt động dịch vụ và sản xuất, kinh doanh khác phục vụ cho khai thác, nuôi trồng thủy hải sản.

09650686

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 2.- Phạm vi áp dụng Điều lệ mẫu Hợp tác xã Thủy sản:

1. Điều lệ mẫu này áp dụng đối với các Hợp tác xã Thủy sản đăng ký hoạt động theo Luật Hợp tác xã và pháp luật của Nhà nước.

2. Các tổ hợp tác, tập đoàn sản xuất thủy sản không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều lệ mẫu này.

Điều 3.- Tư cách pháp nhân của Hợp tác xã Thủy sản:

Hợp tác xã Thủy sản là một đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có đầy đủ tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ tại các ngân hàng, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo pháp luật.

Hợp tác xã Thủy sản có tư cách pháp nhân để hoạt động kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 4.- Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hợp tác xã Thủy sản:

1. Tự nguyện gia nhập và ra Hợp tác xã: Ngu dân và những người lao động có đủ điều kiện theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã, tán thành Điều lệ Hợp tác xã Thủy sản và tự nguyện góp vốn, góp sức đều có thể trở thành xã viên. Xã viên có quyền ra Hợp tác xã theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã Thủy sản.

2. Quản lý dân chủ và bình đẳng: Xã viên Hợp tác xã Thủy sản có quyền tham gia quản lý, giám sát mọi hoạt động của Hợp tác xã và có quyền ngang nhau trong bầu cử, ứng cử và biểu quyết.

3. Tự chịu trách nhiệm và cùng có lợi: Hợp tác xã Thủy sản tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; tự quyết định về phân phối thu nhập, bảo đảm Hợp tác xã và xã viên cùng có lợi.

4. Việc chia lãi phải kết hợp lợi ích của xã viên và sự phát triển của hợp tác xã: Sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế, bù lỗ năm trước (nếu có), lãi được trích một phần để đưa vào các quỹ của Hợp tác xã, phần còn lại chia cho xã viên theo vốn góp, công sức đóng góp và mức độ sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã do Đại hội xã viên quyết định.

5. Hợp tác và phát triển cộng đồng; xã viên phát huy tinh thần tự chủ, nâng cao ý thức hợp

tác trong Hợp tác xã và trong cộng đồng xã hội, giữa các Hợp tác xã với nhau ở trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 5.- Hợp tác xã thủy sản hoạt động theo Điều lệ và ở mọi thời điểm phải có tối thiểu 10 xã viên.

Khi thành lập và đăng ký kinh doanh, Hợp tác xã Thủy sản phải làm đầy đủ theo những quy định tại Điều 12, 13, 14, 15 của Luật Hợp tác xã và những quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 6.- Quyền của Hợp tác xã Thủy sản:

1. Lựa chọn các ngành, nghề, lĩnh vực, quy mô sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực khai thác, nuôi trồng thủy sản và các ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác theo nhu cầu, lợi ích của xã viên và khả năng của Hợp tác xã Thủy sản.

2. Quyết định hình thức và cơ cấu tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Hợp tác xã Thủy sản.

3. Xuất khẩu, nhập khẩu, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân ở trong nước, ngoài nước theo quy định của pháp luật.

4. Thuê lao động và chuyên gia ngoài Hợp tác xã Thủy sản trong trường hợp xã viên không đáp ứng được yêu cầu lao động hoặc chuyên môn phục vụ cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Hợp tác xã.

5. Quyết định kết nạp xã viên mới, giải quyết việc xã viên ra Hợp tác xã, khai trừ xã viên theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã Thủy sản.

6. Quyết định việc phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ của Hợp tác xã Thủy sản.

7. Quyết định khen thưởng những cá nhân và tập thể có nhiều thành tích xây dựng và phát triển Hợp tác xã, thi hành kỷ luật những xã viên vi phạm Điều lệ Hợp tác xã, buộc xã viên bồi thường các thiệt hại đã gây ra cho Hợp tác xã.

8. Vay vốn Ngân hàng, các tổ chức tín dụng, huy động các nguồn vốn của xã viên và có thể bảo lãnh cho xã viên vay vốn tại các tổ chức tín dụng. Được tham gia góp vốn để trở thành xã viên quỹ tín dụng nhân dân và được vay vốn của tổ chức này.

9. Được bảo hộ bí quyết công nghệ theo quy định của pháp luật.

10. Từ chối yêu cầu của các tổ chức, cá nhân trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Hợp tác xã Thủy sản.

11. Được mở chi nhánh, Văn phòng đại diện của Hợp tác xã Thủy sản ngoài huyện, tỉnh, thành phố sở tại, nhưng phải được Ủy ban Nhân dân cấp có thẩm quyền nơi Hợp tác xã định mở chi nhánh, Văn phòng đại diện cho phép.

12. Tự nguyện tham gia Liên hiệp Hợp tác xã, Liên minh Hợp tác xã.

Điều 7.- Nghĩa vụ của Hợp tác xã Thủy sản:

1. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng ngành nghề, mặt hàng đã đăng ký.

2. Thực hiện đúng chế độ kế toán, thống kê do Nhà nước quy định và chấp hành chế độ kiểm toán của Nhà nước.

Hợp tác xã chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

3. Nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Bảo toàn và phát triển vốn hoạt động của Hợp tác xã; quản lý và sử dụng các diện tích đất đai và đất có mặt nước được Nhà nước giao quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

5. Chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ khác bằng toàn bộ vốn và tài sản thuộc sở hữu của Hợp tác xã Thủy sản.

6. Bảo vệ môi trường, môi sinh, cảnh quan, di tích lịch sử và các công trình quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật.

7. Bảo đảm các quyền của xã viên và thực hiện các cam kết kinh tế đối với xã viên.

8. Thực hiện các nghĩa vụ đối với xã viên trực tiếp lao động và người lao động, chuyên gia do Hợp tác xã thuê, khuyến khích và tạo điều kiện để người lao động trở thành xã viên Hợp tác xã Thủy sản.

9. Đóng bảo hiểm xã hội cho xã viên và mua các bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật và khả năng của Hợp tác xã.

10. Chăm lo giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ tay nghề, cung cấp thông tin để mọi xã viên tích cực tham gia xây dựng Hợp tác xã.

Điều 8.- Tên, biểu tượng, trụ sở Hợp tác xã Thủy sản:

Hợp tác xã Thủy sản tự chọn tên, biểu tượng và địa chỉ trụ sở chính. Hợp tác xã phải đăng ký tại Ủy ban Nhân dân cấp huyện nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 9.- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh và vốn điều lệ của Hợp tác xã Thủy sản:

1. Ngành nghề sản xuất, kinh doanh:

- Khai thác hải sản.

- Nuôi trồng thủy hải sản.

- Kinh doanh, dịch vụ phục vụ sản xuất khai thác, nuôi trồng thủy hải sản. Hợp tác xã có thể kiêm thêm các ngành, nghề sản xuất, kinh doanh khác.

2. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Hợp tác xã được ghi bằng tiền mặt Việt Nam trong bản Điều lệ Hợp tác xã.

Chương II

XÃ VIÊN

Điều 10.- Điều kiện trở thành xã viên:

1. Công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có góp vốn, góp sức theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã Thủy sản, tán thành Điều lệ Hợp tác xã và có đơn tự nguyện xin gia nhập Hợp tác xã.

2. Một người có thể vừa là xã viên Hợp tác xã Thủy sản vừa là xã viên Hợp tác xã hoạt động trong những ngành nghề khác nhau, không phân biệt địa giới hành chính.

3. Hộ gia đình có nguyện vọng tham gia Hợp tác xã Thủy sản thì phải cử người đại diện cho hộ, có đủ tiêu chuẩn xã viên, làm đơn xin gia nhập Hợp tác xã. Người đại diện cho hộ xã viên Hợp tác xã có quyền và nghĩa vụ như một xã viên khác.

Điều 11.- Quyền lợi của xã viên:

1. Được ưu tiên làm việc cho Hợp tác xã theo khả năng, nghề nghiệp của mình và được trả công lao động theo thỏa thuận giữa Hợp tác xã và xã viên, theo Nghị quyết Đại hội xã viên.

2. Hưởng lãi chia theo vốn góp, công sức đóng góp của xã viên và theo mức độ sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã.

3. Được Hợp tác xã cung cấp các thông tin kinh tế kỹ thuật cần thiết, được đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ nghiệp vụ và tay nghề.

4. Được hưởng thụ các phúc lợi chung của Hợp tác xã, được Hợp tác xã thực hiện các cam kết kinh tế, tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

5. Được khen thưởng khi có công đóng góp trong việc xây dựng và phát triển Hợp tác xã.

6. Dự Đại hội hoặc bầu đại biểu dự Đại hội, dự các cuộc họp xã viên để bàn bạc và biểu quyết các công việc của Hợp tác xã.

7. Ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Quản trị, Chủ nhiệm, Ban Kiểm soát và những chức danh được bầu của Hợp tác xã.

8. Được phê bình, chất vấn, khiếu nại với Ban Quản trị, Chủ nhiệm, Ban Kiểm soát của Hợp tác xã và yêu cầu được trả lời; yêu cầu Ban Quản trị, Chủ nhiệm, Kiểm soát triệu tập Đại hội xã viên bất thường theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 của Điều lệ này.

9. Được chuyển nhượng vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho những người là xã viên Hợp tác xã; thủ tục chuyển nhượng do Điều lệ Hợp tác xã quy định.

10. Được xin ra Hợp tác xã, xã viên phải gửi đơn xin ra Hợp tác xã cho Ban Quản trị trước 30 ngày. Người xin ra được Hợp tác xã trả lại vốn góp và các quyền lợi khác nếu có theo quy định tại Điều 24, mục 2 Điều lệ mẫu này.

11. Trường hợp xã viên chết, vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ khác của xã viên được giải quyết theo pháp luật về thừa kế.

Điều 12.- Nghĩa vụ của xã viên:

1. Chấp hành Điều lệ, Nội quy, các Nghị quyết của Đại hội xã viên.

2. Góp vốn bằng tiền, hiện vật được quy bằng tiền và có thể góp một lần hay nhiều lần theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã, nhưng vốn góp của mỗi xã viên ở mọi thời điểm không vượt quá 30% tổng số vốn điều lệ của Hợp tác xã.

3. Hợp tác giữa các xã viên với nhau, học tập nâng cao trình độ, góp phần thúc đẩy Hợp tác xã phát triển.

4. Thực hiện các cam kết kinh tế với Hợp tác xã, tham gia đóng góp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

5. Trong phạm vi vốn góp của mình, cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ, rủi ro, thiệt hại, các khoản lỗ của Hợp tác xã.

6. Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho Hợp tác xã theo quy định của Điều lệ hoặc Nghị quyết của Đại hội xã viên.

Điều 13.- Chấm dứt tư cách xã viên:

1. Tư cách xã viên Hợp tác xã chấm dứt khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Xã viên chết;

b) Xã viên mất năng lực hành vi dân sự;

c) Xã viên đã được chấp thuận ra Hợp tác xã theo quyết định của Đại hội xã viên;

d) Xã viên đã chuyển nhượng hết vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ cho người khác và đã làm xong thủ tục chuyển nhượng;

đ) Xã viên bị Đại hội xã viên khai trừ khi không thực hiện các cam kết kinh tế với Hợp tác xã, không chia sẻ những rủi ro, thiệt hại với Hợp tác xã theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã.

Các trường hợp khác do Điều lệ Hợp tác xã quy định.

2. Việc giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ đối với xã viên trong các trường hợp a, b, c, d tại Khoản 1 Điều này được quy định tại Điều 25 Khoản 2 của Điều lệ mẫu này.

Chương III**TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ QUẢN LÝ HỢP TÁC XÃ****Điều 14.- Đại hội xã viên:**

1. Đại hội xã viên hoặc Đại hội đại biểu xã viên (sau đây gọi chung là Đại hội xã viên) có quyền quyết định cao nhất của Hợp tác xã. Hợp tác xã có 150 xã viên trở lên có thể tổ chức Đại hội đại biểu xã viên. Các tổ chức, đơn vị sản xuất hay nhóm xã viên trực tiếp bầu ra đại biểu theo tỷ lệ tối thiểu cứ 3 xã viên được cử 1 người; đại biểu được cử không được ủy quyền cho người khác dự Đại hội xã viên thay mình.

2. Đại hội xã viên thường kỳ mỗi năm một lần do Ban Quản trị triệu tập trong vòng 3 tháng kể từ ngày khóa sổ quyết toán năm.

3. Đại hội xã viên bất thường do Ban Quản trị hoặc Ban Kiểm soát Hợp tác xã triệu tập để quyết định những vấn đề cần thiết vượt quá quyền hạn của mình, khi 2/3 số thành viên Ban Quản trị hoặc 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát yêu cầu.

Trường hợp nếu có 1/3 tổng số xã viên cùng có đơn yêu cầu triệu tập Đại hội xã viên gửi lên Ban Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đủ đơn, Ban Quản trị phải triệu tập Đại hội xã viên. Nếu quá thời hạn này mà Ban Quản trị không triệu tập Đại hội thì Ban Kiểm soát phải triệu tập Đại hội xã viên bất thường để giải quyết các vấn đề trong đơn.

Điều 15.- Triệu tập Đại hội xã viên:

Việc triệu tập Đại hội xã viên do Ban Quản trị hoặc Ban Kiểm soát tiến hành và phải được thông báo bằng văn bản trước 10 ngày.

Điều 16.- Đại hội xã viên thảo luận và biểu quyết những vấn đề sau đây:

1. Báo cáo kết quả sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong năm, báo cáo hoạt động của Ban Quản trị và Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo công khai tài chính - kế toán, dự kiến phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ.

3. Phương hướng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kế hoạch hoạt động và giải pháp huy động vốn cho năm tới.

4. Tăng, giảm vốn góp, trích lập các quỹ của Hợp tác xã.

5. Bầu, bãi miễn Chủ nhiệm Hợp tác xã, bầu bổ sung hoặc bãi miễn các thành viên của Ban Quản trị, Ban Kiểm soát.

6. Thông qua việc kết nạp xã viên mới và cho xã viên ra Hợp tác xã, quyết định khai trừ xã viên.

7. Quy định tiền lương, tiền thưởng và mức thù lao cho Chủ nhiệm và các thành viên khác của Ban Quản trị, Ban Kiểm soát, tiền công cho người lao động và các chức danh khác của Hợp tác xã.

8. Hợp nhất, chia tách, giải thể, tham gia Liên minh Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Nội quy Hợp tác xã.

10. Giải quyết những vấn đề khác do Ban Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc có ít nhất 1/3 tổng số xã viên đề nghị.

Điều 17.- Quy định về số lượng đại biểu và biểu quyết trong Đại hội xã viên:

1. Đại hội xã viên phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số xã viên hoặc đại biểu xã viên tham dự. Nếu không đủ số lượng quy định thì phải tạm hoãn Đại hội; Ban Quản trị hoặc Ban Kiểm soát phải triệu tập lại Đại hội trong vòng 15 ngày.

2. Việc sửa đổi Điều lệ, hợp nhất, chia tách, giải thể, tham gia Liên hiệp Hợp tác xã, Liên minh các Hợp tác xã chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số xã viên hoặc đại biểu xã viên có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

3. Việc biểu quyết không phụ thuộc vào số vốn góp của xã viên. Mỗi xã viên hoặc đại biểu xã viên chỉ có một phiếu biểu quyết.

Điều 18.- Ban Quản trị Hợp tác xã:

1. Ban Quản trị do Đại hội xã viên bầu trực tiếp, gồm Chủ nhiệm Hợp tác xã và các thành viên khác có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi công việc của Hợp tác xã.

2. Hợp tác xã Thủy sản có số xã viên dưới 15 người và về tổ chức có dưới 2 đơn vị thuyền nghề thì bầu Chủ nhiệm Hợp tác xã để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản trị.

Nhiệm kỳ Ban Quản trị tối thiểu là 2 năm, tối đa là 5 năm do Đại hội xã viên quyết định.

3. Thành viên Ban Quản trị được phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực của Hợp tác xã.

4. Ban Quản trị họp ít nhất mỗi tháng một lần do Chủ nhiệm hoặc thành viên Ban Quản trị được Chủ nhiệm ủy quyền triệu tập và chủ trì.

Các cuộc họp của Ban Quản trị được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban Quản trị tham dự. Ban Quản trị hoạt động theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số. Trong trường hợp biểu quyết có số phiếu tán thành và không tán thành bằng nhau thì phiếu biểu quyết của bên có người chủ trì cuộc họp là quyết định.

Điều 19.- Tiêu chuẩn thành viên Ban Quản trị:

1. Thành viên Ban Quản trị phải là xã viên Hợp tác xã có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực quản lý Hợp tác xã.

2. Thành viên Ban Quản trị không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, thủ quỹ của Hợp tác xã đó hoặc Hợp tác xã khác và không phải là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, em ruột của họ.

Điều 20.- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản trị:

1. Ban Quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức thực hiện Điều lệ của Hợp tác xã và Nghị quyết của Đại hội xã viên.

b) Chọn cử kế toán trưởng, quyết định cơ cấu tổ chức các bộ phận nghiệp vụ chuyên môn của Hợp tác xã.

c) Chuẩn bị báo cáo và phương án về kế hoạch sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và huy động vốn của Hợp tác xã, báo cáo hoạt động của Ban Quản trị trình Đại hội xã viên.

d) Chuẩn bị chương trình và nội dung của Đại hội xã viên và triệu tập Đại hội xã viên.

đ) Đánh giá kết quả sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Hợp tác xã, duyệt báo cáo quyết toán tài chính để trình Đại hội xã viên.

e) Xét kết nạp xã viên mới và giải quyết việc xã viên xin ra Hợp tác xã (trừ trường hợp khai trừ xã viên) và báo cáo để Đại hội xã viên thông qua.

Các nhiệm vụ và quyền hạn khác do Điều lệ Hợp tác xã quy định.

2. Ban Quản trị chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Đại hội xã viên và trước pháp luật.

Điều 21.- Chủ nhiệm Hợp tác xã do Đại hội xã viên bầu trực tiếp trong số thành viên của Ban Quản trị, có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Là người đại diện cho Hợp tác xã trước pháp luật.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch và điều hành mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Hợp tác xã theo các quyết định của Ban Quản trị, Nghị quyết của Đại hội xã viên và báo cáo kết quả thực hiện với Ban Quản trị và Đại hội xã viên.

3. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Quản trị, tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hợp tác xã theo luật định.

4. Chủ nhiệm Hợp tác xã chịu trách nhiệm trước Đại hội xã viên và Ban Quản trị về công việc được giao. Khi vắng mặt, Chủ nhiệm Hợp tác xã được ủy quyền cho một Phó Chủ nhiệm hoặc một thành viên của Ban Quản trị điều hành công việc của Hợp tác xã.

5. Được tuyển dụng lao động, cho người lao động thôi việc theo quy định hợp đồng lao động và Bộ Luật Lao động.

6. Chủ nhiệm Hợp tác xã được chọn Phó Chủ nhiệm trong số các thành viên Ban Quản trị và do Điều lệ Hợp tác xã quy định.

Điều 22.- Ban Kiểm soát:

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát và kiểm tra mọi hoạt động của Hợp tác xã theo đúng pháp luật và Điều lệ Hợp tác xã.

2. Ban Kiểm soát do Đại hội xã viên bầu trực tiếp. Số lượng thành viên do Đại hội xã viên quyết định. Ban Kiểm soát bầu một Trưởng ban; Hợp tác xã có 10 xã viên chỉ bầu một kiểm soát viên.

3. Thành viên Ban Kiểm soát phải là người có phẩm chất đạo đức tốt, am hiểu nghiệp vụ chuyên môn.

4. Thành viên Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Quản trị, Kế toán trưởng, thủ quỹ của Hợp tác xã đó hoặc Hợp tác xã khác và không phải là cha, mẹ, vợ, chồng, con hoặc anh, chị, em ruột của họ.

5. Nhiệm kỳ Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát có cùng nhiệm kỳ với Ban Quản trị.

Điều 23.- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát:

1. Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ, Nội quy Hợp tác xã và Nghị quyết Đại hội xã viên.

2. Giám sát hoạt động của Ban Quản trị, Chủ nhiệm, xã viên và người lao động theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nội quy của Hợp tác xã.

3. Kiểm tra về tài chính, kế toán, phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ, sử dụng các quỹ của Hợp tác xã, sử dụng tài sản, vốn vay và các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước, của tổ chức phi Chính phủ, của tổ chức kinh tế xã hội khác...

4. Tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo có liên quan đến công việc của Hợp tác xã.

5. Thành viên của Ban Kiểm soát được dự các cuộc họp của Ban Quản trị.

6. Thông báo kết quả kiểm tra cho Ban Quản trị và báo cáo trước Đại hội xã viên về kết quả hoạt động của Ban; kiến nghị với Ban Quản trị, Chủ nhiệm Hợp tác xã khắc phục những mặt yếu kém trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Hợp tác xã và những vi phạm pháp luật của Nhà nước.

7. Được yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan trong Hợp tác xã cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu, sổ sách, chứng từ và những thông tin cần thiết để phục vụ công tác kiểm tra, nhưng không được sử dụng tài liệu, thông tin đó vào mục đích khác.

8. Chuẩn bị chương trình nghị sự và triệu tập Đại hội xã viên bất thường khi có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ, Nội quy Hợp tác xã và Nghị quyết Đại hội xã viên, trong trường hợp Ban Kiểm soát đã yêu cầu mà Ban Quản trị không thực hiện hoặc thực hiện không có kết quả hoặc Ban Quản trị không triệu tập Đại hội xã viên bất thường theo yêu cầu của xã viên theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này.

Điều 24.- Tổ chức Đảng và Đoàn thể trong Hợp tác xã:

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Hợp tác xã hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức Công đoàn, các tổ chức chính

trị - xã hội khác và tổ chức dân quân tự vệ trong Hợp tác xã hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức này.

Chương IV

VỐN, QUỸ, TÀI SẢN; PHÂN PHỐI LÃI VÀ XỬ LÝ CÁC KHOẢN LỖ

Điều 25.- Vốn góp của xã viên:

1. Khi gia nhập Hợp tác xã, mỗi xã viên phải góp vốn theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã. Mức vốn góp tối thiểu do Đại hội xã viên quyết định, nhưng tổng số vốn điều lệ của xã viên góp không được thấp hơn mức vốn pháp định tương ứng với các ngành nghề đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Mức vốn góp tối thiểu của xã viên được điều chỉnh khi cần thiết, mức cụ thể do Đại hội xã viên quyết định.

2. Xã viên được trả lại vốn góp trong các trường hợp quy định tại Điều 13 Khoản 1, mục a, b, c, d của Điều lệ này. Việc trả lại vốn góp của xã viên căn cứ vào thực trạng tài chính của Hợp tác xã tại thời điểm trả lại vốn sau khi Hợp tác xã đã quyết toán năm và đã giải quyết xong các quyền lợi, nghĩa vụ về kinh tế của xã viên đối với Hợp tác xã. Hình thức, thời hạn trả lại vốn góp cho xã viên do Ban Quản trị thông báo cho từng xã viên theo Điều lệ Hợp tác xã quy định.

Điều 26.- Huy động vốn:

1. Hợp tác xã được huy động vốn góp của xã viên theo quyết định của Đại hội xã viên.

2. Hợp tác xã được vay vốn của xã viên, của các tổ chức do hai bên thỏa thuận nhưng không trái với các quy định của pháp luật.

3. Hợp tác xã được vay vốn của Ngân hàng và các tổ chức tài chính tín dụng khác theo quy định của pháp luật.

4. Hợp tác xã được nhận và sử dụng vốn hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước do hai bên thỏa thuận và theo quy định của pháp luật.

Điều 27.- Tài sản:

1. Tài sản bao gồm tàu thuyền, ngư lưới cụ, kho tàng, nhà làm việc, các công trình công cộng, kết cấu hạ tầng và tín phiếu, trái phiếu, ngân phiếu... đều thuộc sở hữu của Hợp tác xã được hình thành từ các nguồn vốn hoạt động sau:

- Vốn góp ban đầu của xã viên,
- Vốn được tích lũy trong quá trình sản xuất, kinh doanh,
- Vốn vay,
- Vốn được công trợ, tài trợ,
- Nguồn vốn huy động khác (nếu có).

2. Việc quản lý, sử dụng các tài sản của Hợp tác xã được thực hiện theo quy định của Điều lệ Hợp tác xã và các quy định khác của pháp luật. Trong mọi trường hợp, Hợp tác xã không được chia cho xã viên: vốn do Nhà nước trợ cấp, công trình công cộng, kết cấu hạ tầng phục vụ chung cho cộng đồng dân cư.

Điều 28.- Năm tài chính của Hợp tác xã:

1. Năm tài chính của Hợp tác xã Thủy sản là năm dương lịch tính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 của năm.

2. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Hợp tác xã được hạch toán theo đúng Pháp lệnh Kế toán thống kê do Nhà nước quy định, tuân thủ các phương pháp hạch toán kế toán do Bộ Tài chính ban hành và chấp hành chế độ kiểm toán của Nhà nước.

Điều 29.- Phân phối lãi và trích lập các quỹ:

1. Phân phối lãi:

Sau khi nộp thuế, lãi của Hợp tác xã được phân phối như sau:

- Trả bù các khoản lỗ năm trước (nếu có),
- Trích lập các quỹ,
- Chia lãi theo vốn góp, công sức đóng góp của xã viên, phần còn lại chia cho xã viên theo mức độ sử dụng dịch vụ của Hợp tác xã (nếu có).

2. Trích lập các quỹ:

- Quỹ phát triển sản xuất,
- Quỹ dự phòng,
- Quỹ phúc lợi và khen thưởng,
- Quỹ bảo hiểm xã hội.

Tỷ lệ trích lập và sử dụng các loại quỹ do Điều lệ Hợp tác xã và Đại hội xã viên quyết định.

Điều 30.- Xử lý các khoản lỗ:

1. Nếu lỗ do nguyên nhân khách quan gây ra thì lấy lãi của kỳ quyết toán sau để bù hoặc trừ vào các quỹ của Hợp tác xã, vào vốn góp của xã viên do Đại hội xã viên quyết định.

2. Nếu lỗ do nguyên nhân chủ quan của cá nhân gây ra thì người đó phải bồi thường thiệt hại, mức bồi thường do Đại hội xã viên quyết định.

Điều 31. - Xử lý tài sản và vốn của Hợp tác xã khi giải thể:

Việc xử lý tài sản và vốn của Hợp tác xã khi giải thể được tiến hành theo Điều 46 Luật Hợp tác xã và các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương V

HỢP NHẤT, CHIA TÁCH, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN HỢP TÁC XÃ

Điều 32.- Hợp nhất, chia tách, giải thể Hợp tác xã Thủy sản:

Việc hợp nhất, chia tách, giải thể Hợp tác xã do Đại hội xã viên quyết định và theo quy định tại Điều 17 Khoản 2 của Điều lệ mẫu này.

Điều 33.- Thủ tục hợp nhất, chia tách, giải thể Hợp tác xã Thủy sản:

Thủ tục xin hợp nhất, chia tách, giải thể Hợp tác xã theo Điều 44, 45, 46 của Luật Hợp tác xã.

Điều 34.- Phá sản Hợp tác xã Thủy sản:

Việc giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản đối với Hợp tác xã Thủy sản được thực hiện theo pháp luật phá sản doanh nghiệp.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 35.- Khen thưởng và xử lý vi phạm:

1. Tổ chức, cá nhân và xã viên có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, trong xây dựng phát triển Hợp tác xã được Hợp tác xã khen thưởng về vật chất và tinh thần. Hình thức, mức độ khen thưởng do Ban Quản trị quyết định hoặc đề nghị Đại hội xã viên quyết định.

2. Xã viên nào vi phạm Điều lệ, Nội quy Hợp tác xã, Nghị quyết của Đại hội xã viên, tùy theo mức độ sai phạm mà Hợp tác xã có những hình thức kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, cách chức, cho thôi việc hoặc khai trừ ra khỏi Hợp tác xã.

Cá nhân và xã viên nào làm thiệt hại đến tài sản của Hợp tác xã thì phải bồi thường, tùy theo tính chất và mức độ thiệt hại sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc đưa ra truy tố trước pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36.- Điều lệ cụ thể của từng Hợp tác xã Thủy sản và sửa đổi, bổ sung Điều lệ:

Hợp tác xã Thủy sản căn cứ vào Luật Hợp tác xã, Điều lệ mẫu Hợp tác xã Thủy sản để xây dựng Điều lệ cụ thể cho Hợp tác xã của mình và được Đại hội xã viên thông qua.

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Hợp tác xã do Đại hội xã viên quyết định và chỉ có giá trị pháp lý khi được cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chấp thuận.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 47-CP
ngày 3-5-1997 về việc giải quyết
bồi thường thiệt hại do công
chức, viên chức nhà nước, người
có thẩm quyền của cơ quan tiến
hành tố tụng gây ra.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, sau khi thống nhất với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Cơ quan nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng phải bồi thường thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước hoặc người có thẩm quyền gây ra trong khi thi hành công vụ hoặc trong khi thực hiện nhiệm vụ điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được quy định tại Điều 623 và Điều 624 của Bộ Luật Dân sự.

Điều 2.- Công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra thiệt hại phải hoàn trả khoản tiền mà cơ quan nhà nước hoặc cơ quan tiến hành tố tụng đã bồi thường cho người bị thiệt hại.

Điều 3.- Người bị thiệt hại có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng bồi thường cho mình thiệt hại do công chức, viên chức nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng gây ra hoặc yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 4.- Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ quan nhà nước là cơ quan, tổ chức quản lý và sử dụng công chức, viên chức nhà nước.

2. Công chức, viên chức nhà nước là người trong biên chế nhà nước và hưởng lương do ngân sách Nhà nước cấp.